

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 02 - 2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Quốc Cường

Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 456/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tô Minh V, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Lê Hồng T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Tô Minh V trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Hồng T tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống không hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Anh V xác định không thể tiếp tục chung sống với chị T được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh V xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho chị Lê Hồng T, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng chị T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của anh V, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh V với chị T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2010. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa anh Tô Minh V với chị Lê Hồng T được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo anh V xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống không hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Tại phiên tòa anh V xác định không còn tình cảm với chị T và cũng không thể tiếp tục chung sống với chị T được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với chị T; đối với chị Lê Hồng T, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh V nhưng chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh V, điều này cho thấy chị T đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa, mặt khác thời gian anh chị ly thân đã lâu. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh V với chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh V cho anh V được ly hôn với chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh V xác định không có con chung; đối với chị T không có ý kiến gì về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh V xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với chị T không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm anh Tô Minh V phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Minh V. Cho anh Tô Minh V được ly hôn với chị Lê Hồng T.

2. Về án phí: Anh Tô Minh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011263 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; anh V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tiêu Hồng Phụng

